TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HSST
Ngày 11/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng và Ông Nguyễn Minh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:21/2019/HSST ngày 11 tháng 4 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với:

**** Bị cáo Hà Thị T,*** sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Quang T và bà Hà Thị T1 (đã chết); chồng: Trịnh Xuân T; Con: có 02 con sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 21/02/2019, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Người bị hại*:** Chị Đào Thị H, sinh năm 1994; ĐKNKTT: Xóm 15 H xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, vắng mặt;

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Nguyễn Văn T2, SN1952; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt;

* ***Người làm chứng:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1995;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 24/01/2019, chị Đào Thị H – SN 1994 ở xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam là giáo viên Trường mầm non S ở Khu đô thị Đ, thị trấn Đ, huyện D, đi xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu sơn đỏ, số khung 4516FY135621, số máy JF45E0829876, BKS 90B2 – 335.33 đến trường,

dựng xe ở trước cổng phụ rồi đi vào trong trường để dạy học. Chị H để túi xách bên trong có chùm chìa khóa xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 trên bệ cầu thang ở tầng 1 rồi vào dạy học. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Hà Thị T – SN 1990 ở thôn Đ, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là quản lý Trường mầm non S đang làm việc trong trường, phát hiện chùm chìa khóa xe mô tô 90B2 – 335.33 chị H để trong túi xách ở bệ cầu thang của tầng 1 nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. T lấy chùm chìa khóa xe mô tô, chui qua khe hở cửa cuốn (khoảng trống từ nền nhà đến cạnh dưới của cửa cuốn) khoảng 70cm, đi ra vị trí để xe mô tô 90B2 – 335.33, mở khóa xe rồi điều khiển xe đi theo đường phía sau trường mầm non S ra đường QL38 đến cửa hàng cầm đồ T của ông Nguyễn Văn T2 – SN 1952 ở thôn T, xã M, huyện D để cầm cố chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được. Khi đến, T nói với ông T2 *"Chú cầm hộ cháu cái xe"*, ông T2 nói *"Xe có giấy tờ đầy đủ không"*. T nói *"Xe chính tên, chính chủ của bạn cháu, cháu mượn cầm lấy tiền để sửa sang trường lớp"*. T mở cốp xe mô tô 90B2 – 335.33 kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 chiếc ví nữ giả da màu đỏ vàng, 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu, 01 chiếc áo mưa màu xanh đen nhãn hiệu Điện Hương, 01 chiếc bạt che mưa màu xám bạc. T tiếp tục mở chiếc ví ra, lấy giấy đăng ký xe mô tô 90B2 - 335.33 mang tên Đào Thị H và lấy chứng minh thư nhân dân của mình đưa cho ông T2. Ông T2 kiểm tra số khung, số máy xe mô tô 90B2 – 335.33 trùng khớp với số khung, số máy trong đăng ký xe mô tô, không nghi ngờ gì về nguồn gốc xe mô tô nên đã đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 cho T. Ông T2 hỏi T lấy bao nhiêu tiền, T nói *"Cháu lấy hai mươi triệu"*. Ông T2 đồng ý, viết hợp đồng cầm cố xe mô tô 90B2 – 335.33 và đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng. T cầm tiền và gọi xe taxi đi về trường mầm non S. Sau đó, T tiêu xài hết số tiền này.

Đến ngày 01/02/2019, T tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ T gặp ông T2 và nói *"Cháu lấy thêm tiền, cháu lấy thêm được bao nhiêu"*. Ông T2 nói *"Hơn hai triệu thôi"*, T nói *"Cho cháu ba triệu"*. Ông T2 đồng ý, lấy 3.000.000 đồng đưa cho T và viết một giấy hợp đồng thể hiện cầm cố xe mô tô 90B2 – 335.33 với số tiền 23.000.000 đồng. T nhận số tiền 3.000.000 đồng rồi về trường đưa cho chị H với lý do nhà trường hỗ trợ chị H mua xe mô tô mới.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu xe Lead màu đỏ, số khung 4516FY135621, số máy JF45E0829876, BKS 90B2 – 335.33; 01 đăng ký xe máy BKS 90B2 – 335.33 mang tên Đào Thị H; 01 CMTND số 186675169 cấp cho Hà Thị T – SN 11/11/1990 nguyên quán Ln – huyện T – tỉnh N cấp ngày 22/4/2013; 02 giấy cầm đồ của hiệu cầm đồ T cầm cố chiếc xe BKS 90B2 – 335.33 của Hà Thị T; 01 ví giả da đã cũ màu đỏ, 01 giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho Đào Thị H, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cấp cho xe có số máy 0829876, số khung 135621, 01 mũ bảo hiểm đỏ, 01 áo mưa màu xanh đen Diện Hương và 01 bạt che màu bạc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 13/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Duy Tiên, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu sơn đỏ, số khung 4516FY135621, số máy JF45E0829876, BKS 90B2 – 335.33 có giá 25.000.000 đồng; 01 ví giả da màu đỏ vàng đã cũ có giá 20.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ có giá 15.000 đồng; 01 áo mưa màu xanh đen hiệu Điện Hương có giá 20.000 đồng; 01 bạt che mưa màu xám bạc có giá 20.000 đồng. Tổng cộng là 25.075.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT công an huyện Duy tiên đã thu hồi 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu xe Lead màu đỏ, số khung 4516FY135621, số máy JF45E0829876, BKS 90B2 – 335.33; 01 đăng ký xe máy BKS 90B2 – 335.33 mang tên Đào Thị H cho người bị hại trong vụ án.

Bản Cáo trạng số 24/CT- VKS ngày 10/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T2 đề nghị Tòa án buộc bị cáo T phải hoàn trả cho ông số tiền là 15.000.000đ mà ông đã bỏ ra nhận cầm cố chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp mang đến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Duy Tiên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hà Thị T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo Hà Thị T chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Duy Tiên và Điều tra viên;của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] *Về hành vi thực hiện tội phạm*: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, của người làm chứng và vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 13 giờ ngày 24/01/2019, tại khu vực cổng phụ của Trường mầm non S thuộc khu đô thị Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Đào Thị H – SN 1994 trú tại xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, Hà Thị T đã trộm cắp 01 xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 của chị Đào Thị H, bên trong cốp xe còn có một số tài sản là: 01 ví giả da màu đỏ vàng đã cũ, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ, 01 áo mưa màu xanh đen hiệu Điện Hương và 01 bạt che mưa màu xám bạc. Toàn bộ số tài sản trên có tổng trị giá là 25. 075.000đ. Sau đó T đem xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 đến cửa hàng cầm đồ T ở thôn T, xã M, huyện D để cầm cố cho ông Nguyễn Văn T2 được 23.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS). Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy tiên đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ pháp lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, HĐXX cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] *Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; mặt khác trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã khắc phục hậu quả một phần hậu quả là hoàn trả một số tiền cho người liên quan là ông Nguyễn Văn T2. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Từ nhận định trên, nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã bị thu hồi trả lại người bị hại. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt theo quy định tại Điều 65 BLHS và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo hiện tại là người thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn và đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, HĐXX thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật và thực tế.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra vụ án là chị Đào Thị H là người bị hại xác nhận đã được nhận lại toàn bộ tài sản của mình và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 23.000.000đ mà ông Nguyễn Văn T2 đã bỏ ra để nhận cầm cố 01 chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 của bị cáo T. HĐXX thấy: Hợp đồng cầm cố tài sản trên giữa bị cáo T và ông T2 vi phạm điều cấm của pháp luật nên bị vô hiệu. Do vậy, HĐXX cần buộc các bên tham gia giao dịch này phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, trong quá trình Điều tra vụ án, chị Đào Thị H là người bị hại đã tự nguyện nộp lại số tiền 3.000.000đ do bị cáo T hỗ trợ cho chị để trả cho ông T2 và khoản tiền 5.000.000đ bị cáo T đã khắc phục hậu quả trả cho ông T2. Nay HĐXX cần buộc bị cáo T phải hoàn trả số tiền còn lại là 15.000.000đ đối với ông T2 là phù hợp quy định tại tại Điều 46 BLHS; các Điều 122, 123, 131, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] *Về hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trong vụ án này, ông Nguyễn Thanh T2 là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 90B2 – 335.33 do Hà Thị T mang đến, nhưng ông T2 không hứa hẹn trước và không biết chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có, nên hành vi của ông T2 không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, việc ông T2 cầm cố chiếc xe mang tên người khác không có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ xe mô tô là do lỗi chủ quan của ông T2. Do vậy, Công an huyện Duy Tiên đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với ông T2 là đúng quy định của pháp luật.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, sơn màu đỏ, mang BKS 90B2 – 335.33, số khung 4516FY135621, số máy JF45E0829876, xe có hai gương chiếu hậu; 01 đăng ký mô tô của xe 90B2 – 335.33; 01 ví giả da màu đỏ đã cũ; 01 giấy chứng nhân bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự; 01 giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho Đào Thị H; 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ; 01 áo mưa màu xanh đen có logo Điện Hương VIP; 01 bạt che màu bạc là tài sản hợp pháp của chị Đào Thị H. Nay chị H đã nhận lại và không có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với chiếc chứng minh nhân dân số 186675169 do Công an tỉnh Nghệ An cấp năm 2013 cho Hà Thị T mà cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên tạm giữ có vân tay không trùng với vân tay trong danh chỉ bản do Công an huyện Duy Tiên lập ngày 14/02/2019 đối với Hà Thị T. Cơ quan CSĐT Công an huyện Duy Tiên đã tiến hành xác minh và xác định chiếc chứng minh nhân dân số 186675169 không hợp lệ để lưu hành, nên HĐXX cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 02 giấy cầm đồ của hiệu T là vật chứng trong vụ án, HĐXX cần chuyển lại để lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

[8] *Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Hà Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Thị T cho UBND xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 46 BLHS; Điều 15 Nghị định số 163/2006 ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; các Điều 122, 123, 131, Điều 357 và Điều 468 BLDS. Buộc bị cáo Hà Thị T phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Thanh T2 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

3.*Về vật chứng:* Áp dụng điều 47 BLHS và điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chứng minh nhân dân số 186675169 mang tên Hà Thị T;

+ Chuyển lại lưu hồ sơ vụ án 02 giấy cầm đồ của hiệu cầm đồ T.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Duy Tiên và chi cụ Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 11/4/2019).

3. *Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Hà Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *Công an huyện Duy Tiên;*
- *VKSND huyện Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hà* Nam;
- *Bị cáo; người bị hại; người liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải